TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 28-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thị Amina; bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1972; trú tại: Số A, hẻm B, đường Đ, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà O: Bà Đỗ T, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã S, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 14-10-2021).

Bị đơn: Anh Phạm Văn D (tên gọi khác: K), sinh năm 1980; chị Phan Kim L, sinh năm 1987; cùng cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TT, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D, chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Đỗ T trình bày:

Do quen biết nêu vợ chồng anh Phạm Văn D và chị Phan Kim L có vay tiền của bà O, cụ thể như sau: Ngày 03-9-2020, vợ chồng anh D, chị L có vay của bà Lê Thị Hoàng O số tiền 300.000.000 đồng, hẹn ngày 03-12-2020 sẽ hoàn trả; ngày 17-01-2021, vợ chồng anh D, chị L có vay của bà Lê Thị Hoàng O số tiền 300.000.000 đồng, hẹn ngày 17-4-2021 sẽ hoàn trả.

Lúc vay có làm giấy nợ, anh D và chị L có ký tên và lăn tay xác nhận, chữ viết trong giấy là của anh D.

Khi vay anh D và chị L không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà O.

Tổng cộng anh D, chị L vay của bà O 600.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng.

Đến hẹn anh D, chị L không trả tiền gốc như đã thỏa thuận mà xin đóng tiền lãi hàng tháng, bà O đồng ý. Nhưng vợ chồng anh D, chị L tháng thì đóng tiền lãi, tháng thì không đóng. Tổng cộng bà O đã nhận được tiền lãi là 40.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà O có tham gia chơi hụi do vợ chồng anh D, chị L làm chủ hụi, hụi khui ngày 09-8-2020 (DL). Hụi 50.000.000 đồng, 01 tháng khui một lần, gồm 14 phần, trong đó bà O tham gia 01 phần. Bà O đóng đến tháng 4 năm 2021 là được 9 kỳ. Đến tháng 5 năm 2021 anh D, chị L nói là ngưng hụi không gom nữa và ngày 30 tháng 4 năm 2021 anh D viết giấy chốt nợ hụi lại cho bà O giữ là 450.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà O là 100.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tổng cộng vợ chồng anh D, chị L còn nợ tiền vay là 600.000.000 đồng + 450.000.000 đồng tiền hụi = 1.050.000.000 đồng.

Nay bà O khởi kiện yêu cầu anh D chị L có trách nhiệm trả cho bà O tiền gốc và lãi, cụ thể như sau:

- Số tiền nợ vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 0,83 %/tháng, tiền lãi quá hạn 1,66%/tháng từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Số tiền nợ hụi là 450.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 30-4-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn D, chị Phan Kim L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn D, chị Phan Kim L hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt là từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung: Bà O khởi kiện yêu cầu anh D, chị L trả số tiền nợ vay và nợ hụi, tổng cộng là 1.050.000.000 đồng. Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì ngày 03-9-2020, vợ chồng anh D, chị L vay của bà O số tiền 300.000.000 đồng; ngày 17-01-2021, vợ chồng anh D, chị L vay của bà O số tiền 300.000.000 đồng; ngày 30-4-2021, vợ chồng anh D, chị L có viết giấy nợ tiền hụi bà O là 450.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án anh D, chị L vắng mặt. Nay bà O khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ vay gốc và nợ hụi và tính lãi suất trong hạn, quá hạn là phù hợp quy định của pháp luật, do đó căn cứ

vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc anh D, chị L trả cho bà O số tiền nợ vay và nợ hụi là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Đỗ T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Văn D và chị Phan Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Đại diện nguyên đơn cung cấp chứng cứ và trình bày: Ngày 03-9-2020, vợ chồng anh D, chị L có vay của bà O số tiền 300.000.000 đồng; ngày 17-01-2021, vợ chồng anh D, chị L có vay của bà O số tiền 300.000.000 đồng; ngày 30-4-2021, vợ chồng anh D, chị L có viết giấy nợ tiền hụi bà O là 450.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất là 4%/tháng. Anh D, chị L có ký, ghi họ tên và lăn tay vào giấy nợ tiền vay và giấy nợ tiền hụi. Sau khi vay tiền, anh D, chị L chưa trả tiền vay gốc và tiền hụi, tiền lãi thì trả được 40.500.000 đồng.

[2.1] Anh D, chị L vắng mặt không có ý kiến trình bày; bà O cung cấp cho Tòa án 03 bản gốc "Giấy vay vốn" có chữ ký và dấu lăn tay của anh D, chị L.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định vào ngày 03-9-2020 và ngày 17-01-2021 vợ chồng anh D, chị L có vay của bà O tổng cộng 600.000.000 đồng; ngày 30-4-2021, vợ chồng anh D, chị L có viết giấy nợ tiền hụi bà O là 450.000.000 đồng như lời khai của bà O là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi:

Đối với số tiền vay 600.000.000 đồng, trong giấy vay tiền các bên đương sự thỏa thuận về lãi suất "*Nếu bên vay vốn không trả đúng theo thời hạn của hợp đồng phải chịu mức lãi suất 150% (một trăm năm mươi phần trăm của số vốn vay kể từ ngày trễ hạn)*"; là cao hơn quy định pháp luật, quá trình làm việc nguyên đơn khai thỏa thuận lãi suất 150 % là để bị đơn có trách nhiệm trả gốc và tiền lãi đúng hẹn, thực tế lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 4%/tháng và anh D, chị L mới trả được 40.500.000 đồng tiền lãi. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn theo mức lãi suất 0,83 %/tháng, tiền lãi quá hạn 1,66%/tháng từ ngày quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với số tiền nợ hụi 450.000.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng, tính lãi từ chốt nợ tiền hụi là ngày 30-4-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoàng O. Buộc anh Phạm Văn D, chị Phan Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hoàng O: Số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và số

tiền nợ hụi 450.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.050.000.000 đồng và trả tiền lãi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi của số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, vay ngày 03-9-2020, hẹn ngày 3-12-2020 trả:

+ Lãi trong hạn: 300.000.000 đồng x 0,83% x 03 tháng (từ ngày 03-9-2020 đến ngày 03-12-2020) = 7.470.000 đồng.

+ Lãi quá hạn: 300.000.000 đồng x 1,66% x 01 năm 03 tháng 24 ngày (từ ngày 04-12-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-3-2022) = 78.684.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền vay gốc 300.000.000 đồng, vay ngày 17-01-2021, hẹn ngày 17-4-2021 trả:

+ Lãi trong hạn: 300.000.000 đồng x 0,83% x 03 tháng (từ ngày 17-01-2021 đến ngày 17-4-2021) = 7.470.000 đồng.

+ Lãi quá hạn: 300.000.000 đồng x 1,66% x 11 tháng 10 ngày (từ ngày 18-4-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-3-2022) = 56.440.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền nợ hụi 450.000.000 đồng: 450.000.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 26 ngày (từ ngày 30-4-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28-3-2022): 40.587.000 đồng.

Cộng lãi: 7.470.000 đồng + 78.684.000 đồng + 7.470.000 đồng + 56.440.000 đồng + 40.587.000 đồng = 190.651.000 đồng. Khấu trừ 40.500.000.000 đồng tiền lãi bà O đã nhận từ anh D, chị L: 190.651.000 đồng – 40.500.000 đồng = 150.151.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi: 1.050.000.000 đồng + 150.151.000 đồng = 1.200.151.000 đồng. Buộc anh D, chị L có nghĩa vụ trả cho bà O tiền nợ gốc 1.050.000.000 đồng và tiền lãi 150.151.000 đồng, tổng cộng 1.200.151.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" của bà Lê Thị Hoàng O đối với anh Phạm Văn D, chị Phan Kim L.

Buộc anh Phạm Văn D và chị Phan Kim L cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Hoàng O số tiền nợ vay và nợ hụi là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi 150.151.000 đồng, tổng cộng 1.200.151.000 (một tỷ hai trăm triệu một trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn D, chị Phan Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 48.005.000 (bốn mươi tám triệu không trăm lẻ năm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Hoàng O không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Lê Thị Hoàng O 21.750.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006778 ngày 15-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn